

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/KDTM-ST
Ngày: 20 - 5 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng thuê
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương;
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 46/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H, địa chỉ: Z, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1985, nơi thường trú: Số Z, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bình T, Luật sư Công ty Luật TNHH hãng luật tự do dân chủ thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ; địa chỉ: Số V khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp ông Phu Bón N, sinh năm: 1992; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Đồng Nai và ông W, sinh năm 1981; nơi ở: Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo pháp luật. Có yêu cầu vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1983; nơi thường trú: Ấp A, xã R, huyện M, tỉnh Đồng Nai. Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Nguyễn Mạnh K trình bày:

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H (viết tắt là Công ty H) và Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ (viết tắt là Công ty Đ) có ký Hợp đồng nguyên tắc số: 11/HDNT-DN-HV về việc thuê thiết bị xây dựng. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì bên công ty Đ đồng ý thuê và công ty H đồng ý cho thuê thiết bị thi công xây dựng thuộc sở hữu hợp pháp của bên công ty H. Thiết bị cho thuê là sản phẩm sử dụng được, đảm bảo an toàn, có chất lượng mới từ 60% trở lên so với sản phẩm mới 100% của hãng sản xuất tại thời điểm cho thuê trên thị trường để phục vụ thi công xây lắp tại các công trình công ty Đ thi công. Bên công ty V sẽ gửi báo cáo chi tiết kèm theo hợp đồng và được xem là một phần không tách rời của hợp đồng. Nếu có thay đổi giá thì công ty H sẽ thông báo cho công ty Đ trước 15 ngày và phải được đại diện bên Công ty Đ xác nhận như là phụ lục hợp đồng. Đơn giá cho thuê và giá trị thiết bị được áp dụng theo bảng báo giá tại thời điểm đặt hàng. “Đơn đặt hàng” do bên công ty Đ gửi cho công ty H phải được xác nhận bởi đại diện của Công ty Đ thì mới có giá trị thực hiện (công ty Đ gửi kèm danh sách tên người có thẩm quyền ký tên trên phiếu). Trị giá phí cho thuê có thể thay đổi theo số lượng giao thực tế được hai bên xác nhận có kèm theo các chứng từ giao nhận hàng hóa. Đơn giá cho thuê chưa bao gồm thuế VAT, bảo hiểm tài sản, chi phí vận chuyển, bốc dỡ tới các công trình thi công của công ty Đ.

Theo hợp đồng trên nguyên đơn cho bị đơn thuê thiết bị để thực hiện tại công trình SUMEI MATERIAL và công trình ANLI VIỆT NAM. Công ty Đ đã đặt cọc trước cho nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng. Tính đến ngày 13/7/2020 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 3.921.423.713 đồng, bao gồm: Tiền thuê 1.795.320.401 đồng, tiền bồi thường thiệt hại do vật tư, thiết bị bị thất thoát, hư hỏng 2.126.103.312 đồng. Sau khi trừ tiền đặt cọc 220.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 3.701.423.713 đồng (trong đó tại công trình SUMEI MATERIAL là 3.226.590.279 đồng, công trình ANLI VIỆT NAM là 474.833.434 đồng).

Ngày 20/7/2020 bị đơn đã thanh toán số tiền 350.000.000 đồng tại công trình ANLI VIỆT NAM, ngày 04/11/2020 bị đơn đã thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng tại công trình SUMEI MATERIAL. Hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tại công trình ANLI VIỆT NAM là 124.833.434 đồng (tiền thuê là 98.449.494 đồng, tiền bồi thường thiệt hại do vật tư, thiết bị bị thất thoát, hư hỏng là 26.383.940 đồng); tiền bồi thường thiệt hại do vật tư, thiết bị bị thất thoát, hư hỏng tại công trình SUMEI MATERIAL là 1.226.590.279 đồng.

Ngày 02/11/2020 nguyên đơn và bị đơn có lập biên bản thỏa thuận thể hiện bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn tiền còn nợ tại công trình SUMEI MATERIAL số tiền 2.000.000.000 đồng (đã thanh toán vào ngày 04/11/2020), số tiền còn lại 1.226.590.279 đồng là tiền giá trị hàng hóa mà bên bị đơn thuê làm thất thoát, hư hỏng thì bên bị đơn cam kết cùng bên nguyên đơn sau khi điều tra làm rõ, nhờ cơ quan chức năng can thiệp yêu cầu ông Đỗ Văn N làm rõ lượng hàng hóa thất thoát, người vi phạm sẽ có trách nhiệm đền bù thiệt hại lại cho công ty H số tiền 1.226.590.279 đồng.

Nguyên đơn đã liên hệ với bị đơn đề yêu cầu làm rõ về việc thất thoát tài sản nhưng đến nay phía bị đơn chưa tiến hành.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.351.423.713 đồng trong đó tại công trình SUMEI MATERIAL là 1.226.590.279 đồng, công trình ANLI VIỆT NAM là 124.833.434 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.226.590.279 đồng là tiền giá trị hàng hóa mà bên bị đơn thuê làm thất thoát, hư hỏng tại công trình SUMEI MATERIAL, nguyên đơn muốn cho bị đơn thêm một thời gian để làm rõ ai là người làm thất thoát, hư hỏng. Khi nào cần thiết nguyên đơn sẽ khởi kiện sau đối với số tiền trên. Đối với số tiền tại công trình ANLI VIỆT NAM là 124.833.434 đồng (tiền thuê là 98.449.494 đồng, tiền bồi thường thiệt bị, vật tư bị thất thoát, hư hỏng là 26.383.940 đồng) nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng nguyên tắc số: 11/HDNT-DN-HV ngày 19/4/2019; các hóa đơn giá trị gia tăng, bảng chi phí sử dụng vật tư, thiết bị, biên bản thỏa thuận ngày 02/11/2020...

Tại bản tự khai ngày 23/12/2020 và bản tự khai ngày 19/01/2021 bị đơn Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ trình bày:

Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ và Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H có hợp tác thuê thiết bị xây dựng như nguyên đơn trình bày cụ thể:

Ngày 19/4/2019 Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ có ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc thuê thiết bị xây dựng số 11/DHNT-DN-HV với Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H. Theo hợp đồng trên bên công ty tôi đồng ý thuê thiết bị thi công xây dựng như toàn bộ nội dung tại hợp đồng nguyên tắc số 11/DHNT-DN-HV ngày 19/4/2019.

Theo hợp đồng nguyên tắc về việc thuê thiết bị xây dựng số 11/DHNT-DN-HV ngày 19/4/2019 thì bị đơn thuê tài sản của nguyên đơn để thực hiện tại hai công trình xây dựng là công trình SUMEI MATERIAL và công trình ANLI VIỆT NAM.

Công trình SUMEI MATERIAL kết thúc vào ngày 30/4/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 3.446.590.279 đồng trong đó tiền thuê là 1.650.216.645 đồng, tiền bồi thường thiệt bị thất thoát, hư hỏng là 1.796.373.634 đồng. Trừ tiền bị đơn đã đặt cọc 220.000.000 đồng thì bị đơn còn nợ lại 3.226.590.279 đồng.

Đến ngày 02/11/2020 bên Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ và Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H đã lập biên bản thỏa thuận về việc thanh lý hợp đồng và tất toán công nợ. Theo thỏa thuận trên Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ sẽ thanh toán số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) tiền thuê thiết bị xây dựng cho Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H tại công trình SUMEI MATERIAL. Khi thanh toán xong số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) trên là Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ đã hoàn tất trách nhiệm trong hợp đồng nguyên tắc số 11/HDNT-DN-HV đã ký ngày 19/4/2019 và sẽ không còn phải trả bất kỳ khoản nợ nào cho Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H và Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H sẽ không còn đòi hay đến làm phiền Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ nữa.

Còn đối với số tiền 1.226.590.279 đồng là tiền giá trị các tài sản mà Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ làm thất thoát và hư hỏng thì hai bên đã thỏa thuận hai bên sẽ cùng nhau yêu cầu cơ quan chức năng làm rõ. Khi nào xác định được ai là người làm thất thoát các tài sản trên thì người đó có nhiệm vụ hoàn trả lại số tiền trên cho Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H.

Hiện nay Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ chưa yêu cầu được cơ quan chức năng làm rõ việc để tài sản bị thất thoát của ông Đỗ Văn N. Khi nào xác định được thì người vi phạm là người phải trả lại số tiền 1.226.590.279 đồng cho Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H nên bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn.

Công trình ANLI VIỆT NAM kết thúc vào ngày 20/7/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 474.833.434 đồng, trong đó tiền thuê là 145.103.756 đồng, tiền bồi thường thiệt bị thất thoát, hư hỏng là 329.729.678 đồng. Ngày 20/7/2020 bị đơn đã thanh toán số tiền 350.000.000 đồng cho nguyên đơn gồm tiền thuê 46.656.262 đồng và tiền thất thoát tài sản, bồi thường là 303.345.738 đồng, hiện nay bị đơn còn nợ tiền của nguyên đơn tại công trình ANLI VIỆT NAM gồm tiền thuê là 98.449.494 đồng, tiền thất thoát tài sản, hư hỏng là 26.383.940 đồng, tổng cộng là 124.833.434 đồng. Do Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ chưa làm rõ được các tài sản mà Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H đã nhận nhằm chưa trả lại nên Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ chưa thanh toán cho Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H.

Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ xác định hiện nay chưa có yêu cầu gì đối với vụ án trên, khi nào thấy cần thiết Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ sẽ khởi kiện sau.

Do bận công việc nên Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ đề nghị được giải quyết vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng của vụ án.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn N trình bày:

Ông có làm việc tại Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ từ tháng 3/2019 đến tháng 2/2020. Công việc của ông là chỉ huy trưởng các công trình xây dựng.

Đối với công trình xây dựng SUMEI MATERIAL và ANLI VIỆT NAM của công ty Đ thì ông chỉ quản lý tại công trình SUMEI MATERIAL.

Tại công trình SUMEI MATERIAL ông là người trực tiếp đề xuất các thiết bị cần phải dùng cho công trình để công ty cung cấp. Sau đó công ty có thuê hay mua của ai ông không biết. Khi các thiết bị, vật tư trên được chuyển đến công trình thì có ông và bộ phận kỹ thuật hiện trường từng khu vực ký nhận như (nhà kho, nhà văn phòng, xưởng A, Xưởng B, bể xử lý nước thải, hạ tầng...). Khi hoàn thành công trình thì theo quy định ông là người trực tiếp sẽ bàn giao các thiết bị, vật tư trên lại cho công ty, nhưng khi ông liên hệ công ty để bàn giao thì công ty thông báo đã cho ông nghỉ việc nên ông không bàn giao được (do có quyết định thôi việc) và ông bắt đầu nghỉ việc từ ngày 03/02/2020 nên ông không biết gì và cũng không có trách nhiệm gì với việc bàn giao các thiết bị, vật tư còn lại. Tại các giấy tờ có thể hiện ông có ký tên các biên bản giao nhận vật tư, bảng báo giá, chi phí sử dụng vật tư.... như nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Nội dung tại biên bản thỏa thuận ngày 02/11/2020 giữa Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ và Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H ông xác định ông hoàn toàn không biết và cũng không liên quan gì đến các tài sản bị thất thoát trên của Công ty Đ (do công ty Đ có thuê đơn vị bảo vệ độc lập) vì khi làm việc tại công ty ông không có nhiệm vụ phải quản lý các tài sản trên. Do đó, nay công ty H khởi kiện buộc Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ về việc thanh toán tiền thuê và bồi thường thiệt bị thất thoát, hư hỏng thì ông xác định ông không có liên quan gì đến vụ án trên, ông cũng không có yêu cầu gì đối với vụ án. Ông yêu cầu được giải quyết vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng của vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông T thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.226.590.279 đồng là tiền giá trị hàng hóa mà bên bị đơn làm thất thoát, hư hỏng tại công trình SUMEI MATERIAL, từ khi lập biên bản thỏa thuận đến nay đã 06 tháng nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện, nay nguyên đơn cho bị đơn thêm một thời gian để làm rõ ai là người làm thất thoát, hư hỏng, khi nào cần thiết nguyên đơn sẽ khởi kiện bị đơn sau đối với số tiền trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ còn lại tại công trình ANLI VIỆT NAM là 124.833.434 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền 1.226.590.279 đồng tại công trình SUMEI MATERIAL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, bị đơn Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, ông N theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền thuê vật tư, thiết bị tại hợp đồng nguyên tắc số 11/HDNT-DN-HV đã ký ngày 19/4/2019 về việc thuê thiết bị xây dựng giữa nguyên đơn và bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và công văn số 143/ĐKKD ngày 02/02/2021 của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định bị đơn Công ty TNHH MTV công trình xây dựng Đ có địa chỉ trụ sở chính tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú để giải quyết nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.226.590.279 đồng tại công trình SUMEI MATERIAL do nguyên đơn muốn cho bị đơn thêm một thời gian để làm rõ ai là người làm thất thoát, hư hỏng các tài sản trên. Xét, việc rút phần yêu cầu trên của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi nào nguyên đơn có yêu cầu thì có quyền khởi kiện lại thành vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện bị đơn thanh toán số tiền tại công trình ANLI VIỆT NAM là 124.833.434 đồng. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất về việc ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng, số tiền nợ, số tiền đã thanh toán đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cho rằng do nguyên đơn chưa hoàn trả số lượng nhận nhầm nên bị đơn chưa thanh toán số tiền tại công trình ANLI VIỆT NAM là 124.833.434 đồng cho nguyên đơn, khi nào nguyên đơn hoàn trả thì bị đơn sẽ thanh toán, tuy nhiên bị đơn không có yêu cầu gì trong vụ án nên không có căn cứ để xem xét; bị đơn có thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền tại công trình ANLI VIỆT NAM là 124.833.434 đồng, do đó có căn cứ buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên theo quy định tại Điều 269, 271, 273 Luật thương mại.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 269, 270, 271, 273 Luật thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H đối với bị đơn Công ty TNHH một thành viên công trình xây dựng Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”.

Buộc Công ty TNHH một thành viên công trình xây dựng Đ phải trả cho Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H số tiền còn nợ tại công trình ANLI VIỆT NAM là 124.833.434 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 1.226.590.279 đồng tại công trình SUMEI MATERIAL.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH một thành viên công trình xây dựng Đ phải chịu 6.241.672 đồng (sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ xây dựng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.014.237 đồng (năm mươi ba triệu không trăm mười bốn nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0047377 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ